

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT THÁNG 07/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO**  
**MÔN THI: KIẾN THỨC CHUNG**

Thời gian : 17h45 - 29/07/2025 - Phòng : 128 - Cơ sở: 209 Phan Thanh

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN             | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | LỚP    | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ  |
|----|-------------|-----------------------|------------|------------|--------|-------|--------|--------|------|-----|----------|
|    |             |                       |            |            |        |       |        |        | SỐ   | CHỮ |          |
| 1  | 28207130800 | Trương Thị Sáng       | 18/09/2004 | Đà Nẵng    | 31THT7 |       |        |        |      |     |          |
| 2  | 28204303046 | Trịnh Ngọc Lan        | 22/08/2004 | Quảng Trị  | 31TSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 3  | 26207242664 | Thái Thị Linh         | 19/12/2002 | Quảng Trị  | 31TSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 4  | 29204642921 | Nguyễn Âu Cơ          | 19/11/2005 | Gia Lai    | 31TSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 5  | 28208003655 | Nguyễn Thị Mỹ Duyên   | 17/02/2004 | Đắk Lắk    | 31TSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 6  | 28204334592 | Nguyễn Thị Mỹ Hoa     | 31/08/2004 | Quảng Trị  | 31TSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 7  | 27211339884 | Võ Huỳnh Tiêu         | 21/01/2003 | Quảng Ngãi | 31TSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 8  | 27215351942 | Lương Tấn Lộc         | 16/04/2003 | Phú Yên    | 31TSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 9  | 28206952311 | Nguyễn Thị Tuyết Minh | 08/03/2004 | Quảng Ngãi | 31TSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 10 | 28206801355 | Cao Thị Bích Nga      | 08/01/2004 | Quảng Ngãi | 31TSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 11 | 26205439486 | Nguyễn Thảo Nguyên    | 17/02/2002 | Bình Định  | 31TSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 12 | 28204306213 | Đoàn Thảo Nguyên      | 09/08/2004 | Quảng Nam  | 31TSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 13 | 28204347581 | Nguyễn Nho Như Nguyệt | 29/11/2004 | Gia Lai    | 31TSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 14 | 27205300450 | Nguyễn Trương Yến Nhi | 07/03/2003 | Phú Yên    | 31TSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 15 | 29204861773 | Huỳnh Hoàng Nhi       | 18/02/2005 | Đà Nẵng    | 31TSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 16 | 27205140741 | Võ Thị Quỳnh Trâm     | 20/04/2003 | Đà Nẵng    | 29TBN5 |       |        |        |      |     | Học ghép |
| 17 | 27202234748 | Nguyễn Thị Diệu Linh  | 06/04/2003 | Quảng Trị  | 30CYC3 |       |        |        |      |     | Thi ghép |
| 18 | 27211341201 | Bùi Thế Anh           | 04/01/2003 | Đắk Lắk    | 30TBN7 |       |        |        |      |     | Học ghép |
| 19 | 27205100657 | Đồng Thị Hoài Thương  | 24/11/2003 | Đắk Lắk    | 30TBN7 |       |        |        |      |     | Học ghép |
| 20 | 27202641658 | Trương Thị Kiều Trinh | 30/06/2003 | Đắk Lắk    | 30TYC2 |       |        |        |      |     | Học ghép |
| 21 | 28204342289 | Võ Thị Diệu           | 11/12/2004 | Đà Nẵng    | 31THT5 |       |        |        |      |     | Thi ghép |

Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....

LẬP BẢNG

GIÁM THỊ 1, 2, 3

GIÁM KHẢO 1, 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT THÁNG 07/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO**  
**MÔN THI: KIẾN THỨC CHUNG**

*Thời gian : 17h45 - 29/07/2025 - Phòng : 129 - Cơ sở: 209 Phan Thanh*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN              | NGÀY SINH  | NƠI SINH       | LỚP    | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|------------------------|------------|----------------|--------|-------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |                        |            |                |        |       |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 1  | 28206202866 | Nguyễn Thị Trúc Phương | 22/10/2004 | Gia Lai        | 31TSC6 |       |        |        |      |     |         |
| 2  | 29204653982 | Nguyễn Thị Phương      | 20/09/2005 | Thanh Hóa      | 31TSC6 |       |        |        |      |     |         |
| 3  | 28217100579 | Nguyễn Phan Ngọc Quý   | 06/01/2004 | Thừa Thiên Huế | 31TSC6 |       |        |        |      |     |         |
| 4  | 28206500174 | Phan Lê Diễm Quỳnh     | 07/08/2003 | Đà Nẵng        | 31TSC6 |       |        |        |      |     |         |
| 5  | 29204860106 | Huỳnh Ngọc Thư         | 16/06/2005 | Đà Nẵng        | 31TSC6 |       |        |        |      |     |         |
| 6  | 29204942059 | Phan Hồ Anh Thư        | 07/12/2005 | Quảng Nam      | 31TSC6 |       |        |        |      |     |         |
| 7  | 29204865320 | Võ Thị Mộng Thuyền     | 28/11/2005 | Phú Yên        | 31TSC6 |       |        |        |      |     |         |
| 8  | 26205441924 | Trần Thị Mỹ Tiên       | 04/11/2002 | Phú Yên        | 31TSC6 |       |        |        |      |     |         |
| 9  | 28206204826 | Phạm Thị Thanh Trà     | 21/08/2004 | Quảng Nam      | 31TSC6 |       |        |        |      |     |         |
| 10 | 29204635751 | Nguyễn Ngọc Bảo Trân   | 20/11/2005 | Quảng Nam      | 31TSC6 |       |        |        |      |     |         |
| 11 | 28206552075 | Trần Phạm Thùy Trang   | 07/10/2004 | Gia Lai        | 31TSC6 |       |        |        |      |     |         |
| 12 | 28207144397 | Võ Thị Cẩm Tú          | 10/04/2004 | Đà Nẵng        | 31TSC6 |       |        |        |      |     |         |
| 13 | 28207100371 | Ngô Ánh Tuyền          | 14/06/2004 | Phú Yên        | 31TSC6 |       |        |        |      |     |         |
| 14 | 29204635752 | Nguyễn Vũ Kim Yên      | 14/07/2005 | Quảng Nam      | 31TSC6 |       |        |        |      |     |         |
| 15 | 27214140265 | Nguyễn Minh Tú Anh     | 03/06/2003 | Đắk Lắk        | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |
| 16 | 28207136561 | Nguyễn Thị Ngọc Anh    | 23/07/2004 | Phú Yên        | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |
| 17 | 28214953953 | Lê Đức Anh             | 18/10/2004 | Gia Lai        | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |
| 18 | 28207148207 | Nguyễn Thị Ngọc Ánh    | 10/09/2004 | Bình Định      | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |
| 19 | 28207144825 | Trần Nguyễn Bảo Châu   | 18/12/2004 | Đà Nẵng        | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |
| 20 | 27215328336 | Phan Minh Chiến        | 23/03/2003 | Bình Định      | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |
| 21 | 27211334921 | Lê Nhật Duy            | 31/05/2003 | Phú Yên        | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT THÁNG 07/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO**  
**MÔN THI: KIẾN THỨC CHUNG**

*Thời gian : 17h45 - 29/07/2025 - Phòng : 207 - Cơ sở: 209 Phan Thanh*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN              | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | LỚP    | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|------------------------|------------|------------|--------|-------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |                        |            |            |        |       |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 1  | 27205300526 | Bùi Thị Mỹ Duyên       | 16/12/2003 | Đắk Nông   | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |
| 2  | 28204753917 | Nguyễn Thị Hương Giang | 08/08/2004 | Bình Dương | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |
| 3  | 27203826454 | Nguyễn Phương Hà       | 22/12/2003 | Phú Yên    | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |
| 4  | 27214124577 | Đặng Hữu Hoài          | 28/05/2003 | Phú Yên    | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |
| 5  | 24211716067 | Nguyễn Xuân Hoàng      | 12/04/2000 | Hà Tĩnh    | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |
| 6  | 27217200777 | Nguyễn Việt Hoàng      | 25/10/2003 | Hà Nội     | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |
| 7  | 28217102547 | Phạm Tấn Hoàng         | 26/04/2004 | Quảng Bình | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |
| 8  | 28204653370 | Ngô Thị Ngân           | 23/08/2004 | Nghệ An    | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |
| 9  | 28204647497 | Lê Trần Ánh Nguyệt     | 29/12/2004 | Đà Nẵng    | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |
| 10 | 27202243943 | Nguyễn Thị Băng Nhạn   | 23/10/2003 | Gia Lai    | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |
| 11 | 28207152926 | Võ Quỳnh Như           | 15/08/2004 | Phú Yên    | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |
| 12 | 28207106149 | Nguyễn Thị Phương      | 14/11/2004 | Quảng Trị  | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |
| 13 | 28216604210 | Huỳnh Anh Quốc         | 08/01/2004 | Quảng Ngãi | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |
| 14 | 28207149517 | Nguyễn Thị Như Quỳnh   | 29/05/2004 | Đắk Lắk    | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |
| 15 | 27213225040 | Đoàn Thanh Sơn         | 27/12/2003 | Quảng Bình | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |
| 16 | 27203242856 | Nguyễn Thị Như Thùy    | 11/06/2003 | Đà Nẵng    | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |
| 17 | 28206254098 | Đặng Nguyễn Uyên Trân  | 11/11/2004 | Phú Yên    | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |
| 18 | 27203820647 | Hà Huyền Trang         | 22/11/2003 | Quảng Bình | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |
| 19 | 28207100598 | Phan Thị Trang         | 08/05/2004 | Quảng Bình | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |
| 20 | 27203840829 | Mai Tú Trinh           | 25/06/2003 | Gia Lai    | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |
| 21 | 27215439728 | Đỗ Thanh Tú            | 15/01/2003 | Quảng Nam  | 31TYC5 |       |        |        |      |     |         |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**